

QUY ĐỊNH

về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ;
- Căn cứ Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;
- Căn cứ Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị;
- Căn cứ Thông báo kết luận số 20-TB/TW, ngày 08/9/2022 của Bộ Chính trị về chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý sau khi bị kỷ luật;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý như sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về thẩm quyền, nguyên tắc, căn cứ, quy trình xem xét việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.
2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho cán bộ được bổ nhiệm hoặc được bầu giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (sau đây gọi chung là cán bộ).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Miễn nhiệm” là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm do

không đáp ứng được yêu cầu công việc, uy tín giảm sút, có vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức.

2. “Từ chức” là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. “Năng lực hạn chế” thể hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tập thể lãnh đạo, địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách xếp loại “không hoàn thành nhiệm vụ” 01 năm và có hạn chế, khuyết điểm đến mức cấp có thẩm quyền¹ phê bình bằng văn bản.

b) Tập thể lãnh đạo, địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách có 02 năm liên tục xếp loại “hoàn thành nhiệm vụ” và có hạn chế, khuyết điểm đến mức cấp có thẩm quyền phê bình bằng văn bản.

c) Có từ 02 tổ chức hoặc 02 cá nhân trở lên thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý vi phạm tham ô, tham nhũng và bị xử lý kỷ luật theo quy định (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục được hậu quả).

d) Chỉ hoàn thành dưới 50% số chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm.

4. “Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng” là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

5. “Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng” là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu nêu cao trách nhiệm trong việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

3. Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

¹ Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) hoặc UBND tỉnh (đối với cán bộ thuộc khối chính quyền) hoặc HĐND tỉnh (đối với cán bộ thuộc khối HĐND).

Điều 4. Thẩm quyền

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (lãnh đạo và cấp ủy) nơi cán bộ đang công tác có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Chương II CĂN CỨ XEM XÉT MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC

Điều 5. Căn cứ xem xét miễn nhiệm

Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng năng lực hạn chế, uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao. Đối với các trường hợp này thì khuyến khích tự nguyện xin từ chức. Nếu không tự nguyện xin từ chức thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, miễn nhiệm theo quy định.

2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm.

3. Có từ 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp trở lên tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 6. Căn cứ xem xét từ chức

Việc xem xét đối với cán bộ xin từ chức được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Do năng lực hạn chế hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Để cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.

3. Có trên 50% nhưng dưới 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

Điều 7. Căn cứ xem xét việc miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu

Việc xem xét miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

2. Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm để xem xét cho từ chức.

3. Cho từ chức đối với người đứng đầu khi đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng.

Chương III QUY TRÌNH XEM XÉT MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC

Điều 8. Quy trình xem xét miễn nhiệm, từ chức

1. Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm, từ chức, trong thời gian 10 ngày làm việc, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ; báo cáo tập thể lãnh đạo nơi sử dụng cán bộ để cho ý kiến và gửi văn bản (kèm hồ sơ) báo cáo đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

Trường hợp cán bộ bị xem xét miễn nhiệm, từ chức là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thì phân công cấp phó chủ trì thực hiện.

2. Trên cơ sở ý kiến đề xuất của các cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi sử dụng cán bộ, trong thời gian 15 ngày làm việc, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có văn bản lấy ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan (theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử); tổng hợp ý kiến của các cơ quan, thẩm định, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, cho từ chức trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

4. Căn cứ quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

Điều 9. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức

1. Tờ trình của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, của tỉnh có trách nhiệm phổ biến đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị và tổ chức thực hiện Quy định này; chỉ đạo cụ thể hóa phù hợp từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy định này. Nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (báo cáo),
- Vụ Địa phương II - BTC Trung ương,
- Vụ địa bàn V - UBKT Trung ương,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp NN thuộc tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy
và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Hải Ninh